TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

B án số:182/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 6 - 2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Ông Trần Đình Điệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T Hà, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng tham gia phiên toà*:* Đinh Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số139/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2026 /QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2026 và giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Diệp Thị T, sinh năm 1964, số căn cước: 011...; nơi cư trú: phường Thiên Hương, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Ông Vũ Đình B, sinh năm 1977, số căn cước: 0310...; nơi cư trú: phường Thiên Hương, thành phố Hải Phòng.

Bà T và ông B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Ông Vũ Đình B và bà Diệp Thị T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2021 tại Uỷ ban nhân dân xã Minh Tân, huyện Tỷ Nguyên nay là phường Bạch Đằng. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu Tẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Vũ Đình B. Vợ chồng chưa có con chung. Tài sản chung bà T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông B trình bày: Đồng ý với bà T về điều kiện kết hôn, trong thời gian chung sống vợ chồng chưa có con chung. Hiện nay ông B đang chấp hành án phạt tù nên ông B đề nghị Toà án tạo điều kiện cho ông B khi nào chấp hành án xong về địa phương sẽ thống nhất với bà T về việc ly hôn. Ông B không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho bà Diệp Thị T được ly hôn ông Vũ Đình B; Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau khi ly hôn. Bị đơn có đăng ký thường trú tại phường Thiên Hương thành phố Hải Phòng, nên vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt có lý do. Căn cứ Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Diệp Thị T và ông Vũ Đình B kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu Tẫn, nguyên nhân phát sinh mâu Tẫn theo bà T cung cấp là do bất đồng quan điểm, tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Hiện ông B đang chấp hành án tại tại giam, ông B đề nghị Toà án tạo điều kiện cho ông B khi nào chấp hành án xong ra trại thì giải quyết ly hôn. Thẩm phán đã làm việc với bà T về ý kiến của ông B nhưng bà T trình bày đến nay tình cảm vợ chồng không còn, bà T vẫn đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Diệp Thị T.

[4] Về con chung: Các đương sự thống nhất trình bày không có con chung

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo đối với B án: Các đương sự được quyền kháng cáo B án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, Luật Hôn nhân và Gia đình. Các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Diệp Thị T được ly hôn ông Vũ Đình B.

2. Về án phí: Bà Diệp Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai T số 0003926 ngày 08 tháng 4 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo B án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được B án hoặc B án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp B án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hànhán hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND cùng cấp;
- THADS TP. Hải Phòng;
- UBND phường Bạch Đằng (Giấy CNKH số 24/2021);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai